

Phụ lục 4
BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
(Tính đến thời điểm ngày 10 hàng tháng)
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2025 của UBND xã Nghĩa Hành)

S T T	Tên đơn vị	Biên chế được giao	Số cán bộ, công chức hiện có	Trong đó			Chia theo ngạch công chức					Trình độ học vấn						Học hàm		Trình độ lý luận chính trị					Tin học			Ngoại ngữ				Tiếng dân		Chia theo độ tuổi						Ghi chú			
				Đảng viên	Nữ	Dân tộc thiểu số	Có tôn giáo	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Giáo sư	Phó giáo sư	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Chứng chỉ	Tiếng Anh		Ngoại ngữ		Chứng chỉ tiếng dân tộc	Sử dụng giao tiếp được	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60		Trên 60 tuổi		
																														Đại học trở lên	Chứng chỉ theo KNLN NVN	Chứng chỉ khác	Đại học trở lên									Chứng chỉ khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	
	TỔNG CỘNG	43	39	39	20	-	-	-	3	33	1	2	-	6	33	-	-	-	-	-	-	-	8	28	3	-	-	-	39	1	-	38	-	-	-	-	-	3	13	24	-	-	-
1	Lãnh đạo HĐND, Ban HĐND	3	3	3	1	-	-	-	1	2	-	-	-	1	2	-	-	-	-	-	-	-	1	2	-	-	-	-	3	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-
2	Lãnh đạo UBND	3	3	3	1	-	-	-	2	1	-	-	-	2	1	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-
3	Văn phòng HĐND và UBND	9	9	9	7	-	-	-	-	9	-	-	-	-	9	-	-	-	-	-	-	-	6	3	-	-	-	-	9	-	-	9	-	-	-	-	-	1	5	3	-	-	-
4	Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	11	11	10	6	-	-	-	-	11	-	-	-	1	10	-	-	-	-	-	-	2	9	-	-	-	-	-	11	1	-	9	-	-	-	-	-	1	4	6	-	-	-
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	8	6	6	4	-	-	-	-	6	-	-	-	2	4	-	-	-	-	-	-	2	4	-	-	-	-	-	6	-	-	6	-	-	-	-	-	-	2	4	-	-	-
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	5	4	5	1	-	-	-	-	4	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	-	4	-	-	5	-	-	-	-	-	-	1	4	-	-	-
7	Công chức thuộc Ban HĐND (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
8	Ban Chỉ huy quân sự	4	3	3	-	-	-	-	-	1	2	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	3	-	-	3	-	-	-	-	1	1	1	-	-	-	

Lưu ý: Cột (2) chỉ tổng hợp số cán bộ, công chức cấp xã hiện có, không tổng hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bổ trí tạm thời vị trí hỗ trợ công việc theo Công văn số 12/CV-BCĐ ngày 20/6/2025 của Ban Chỉ đạo Chính phủ./.

Phụ lục 5
BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ VIÊN CHỨC THUỘC UBND CẤP XÃ (BAO GỒM VIÊN CHỨC GIÁO DỤC)
(Tính đến thời điểm ngày 10 hàng tháng)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2025 của UBND xã Nghĩa Hành)

T T	Tên đơn vị	Số lượng được giao Số lượng viên chức cấp xã có mã		Trong đó				Lĩnh vực				Chức danh nghề				Học hàm		Trình độ đào tạo																				Chia theo tuổi									
				Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Có tôn giáo	Giáo dục	Khoa học công nghệ	Khoa học xã hội	Văn hóa, thể thao và du lịch	Lĩnh vực khác	Hạng I và tương đương	Hạng II và tương đương	Hạng III và tương đương	Hạng IV và tương đương	Giáo sư	Phó Giáo sư	Chuyên môn								Chính trị				Tin học		Ngoại ngữ				Tiếng dân tộc		Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60	Trên 60 tuổi				
																			Tiến sĩ	Chuyên khoa II	Thạc sĩ	Chuyên khoa I	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Chưa qua đào tạo	Đại học trở lên	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Tiếng Anh		Khác						Chứng chỉ tiếng dân tộc	Sử dụng giao tiếp được		
																																				Đại học trở lên	Chỉ theo KNLNN									Chứng chỉ khác	Đại học trở lên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	41	42	43	44	45	47	48
	TỔNG CỘNG																																														
III	ĐƠN VỊ CHƯA TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH (Đơn vị tự																																														
1	Trung tâm cung ứng dịch vụ công	6	5	4	5	-	-	-	-	-	-	5	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	-	-	-	1	3	-	1	-	-	5	-	-	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	ĐƠN VỊ CHƯA TỰ CHỦ VỀ TÀI CHÍNH (Đơn																																														
1	Trường MN TTCC	29	29	29	17	-	-	27	-	-	-	2	-	16	11	2	-	-	-	-	-	26	3	1	-	-	-	-	4	3	22	-	-	27	-	27	-	-	-	-	-	-	10	8	9	2	-
2	Trường MN Hành Thuận	18	18	18	12	-	-	16	-	-	-	2	-	7	9	2	-	-	-	-	-	16	1	1	-	-	-	-	3	3	12	-	-	18	-	-	-	-	18	-	-	1	11	6	-	-	
3	Trường MN Hành Trung	22	22	21	19	-	-	20	-	-	-	2	-	7	13	2	-	-	-	-	-	21		1	-	-	-	-	4	3	15	-		22	-	-	-	-	22	-	-	4	14	3	1	-	
4	Trường Tiểu học TTCC	52	50	39	24	-	-	50	-	-	-	-	-	18	30	-	-	-	-	-	1	-	47	1	1	-	-	-	3	6	-	4	1	44	5	5	42	-	1	-	-	7	12	23	8	-	
5	Trường Tiểu học Hành Thuận	32	31	28	20	-	-	31	-	-	-	-	-	8	23	-	-	-	-	-	-	31	-	-	-	-	-	-	4	-	-	1	1	12	3	2	26	-	-	-	-	7	7	13	3	1	
6	Trường Tiểu học Hành Trung	26	25	20	11	-	-	25	-	-	-	-	-	3	20	2	-	-	-	-	-	23	-	2	-	-	-	-	3	1	21	1	1	8	2	2	17	-	-	-	-	5	10	5	5	-	
7	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	49	49	42	28	-	-	49	-	-	-	-	-	21	28					2		46	1					1	3	22			10	33		5	37				1	25	18	5	-		
8	Trường THCS Hành Thuận	30	30	26	17	-	-	30	-	-	-	-	-	13	15	2	-	-	-	-	-	30	-	-	-	-	-	-	4	1	-	2	2	26	2	2	26	2	-	-	-	1	14	14	1	-	
9	Trường THCS Hành Trung	24	24	16	9	-	-	24	-	-	-	-	-	9	14	1	-	-	-	-	-	21	3	-	-	-	-	-	2	1	-	-	1	23	-	-	24	-	-	-	-	-	-	11	10	3	-

Lưu ý:
- Cột (1) số lượng được giao, chỉ tổng hợp đối với đơn vị được cấp có thẩm quyền giao số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước

Phụ lục 6
DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CẤP XÃ THUỘC TỈNH QUẢNG NGÃI
(Tính đến thời điểm ngày 10 hàng tháng)
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2025 của UBND xã Nghĩa Hành)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán(cũ)	Chức vụ/chức danh và đơn vị công tác thời điểm 30/6/2025	Ngày vào Đảng	Ngạch, hệ số lương hiện hưởng	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG						Chức vụ/chức danh; đơn vị/phòng/ban bố trí tại ĐVHC cấp xã hiện nay (thời điểm ngày 10 hàng tháng)	
									Thạc sĩ (ghi rõ ngành học)	Trình độ dưới Thạc sĩ (Ghi rõ tất cả trình độ (TC, CĐ, ĐH) ngành học)	Lý luận chính trị					Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức
											Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11	12	13	14
I	Cán bộ, công chức cấp xã (HĐND, UBND)															
I	Hội đồng nhân dân xã															
1	Lê Việt Quân	01/05/1982	Nam	Kinh	Xã Hành Thịnh, huyện Nghĩa Hành	HUV, Bí thư Đảng ủy thị trấn Chợ Chùa	03/03/2008 03/03/2009	CVC; 5.08	Kinh tế phát triển	ĐH Công nghiệp và công trình nông thôn		X			CVC	Phó Chủ tịch HĐND xã
2	Phạm Thế Vương	05/11/1981	Nam	Kinh	Hành Trung	UVBTV Đảng ủy, Phó Chủ tịch UBND xã hành Trung	03/07/2004 03/07/2005	CV; 3.33		ĐH, ngành Công tác xã hội			X		CV	Phó Trưởng Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND xã
3	Nguyễn Thị Hoàng Mai	29-08-1980	Nữ	Kinh	Thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành	ĐUV, Phó Chủ tịch HĐND TTCC	20/01/2006 20/01/2007	CV;3.66		ĐH Kinh tế			X		CV	Phó Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND xã
II	Ủy ban nhân dân xã															
4	Nguyễn Ngọc Tuấn	25-07-1977	Nam	Kinh	Xã Nghĩa Hòa, Huyện Tư	UVBTV Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBND huyện	27/6/2013 27/6/2014	CVC; 4,74	Ths Kinh tế Phát triển	Đại học Kiến trúc		X			CVC	Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND
5	Phạm Văn Tâm	10-03-1976	Nam	Kinh	Hành Thuận	Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã Hành	03/05/1998 03/5/1999	CV; 4,32		ĐH Luật		X			CV	Phó Chủ tịch UBND kiêm GD Trung tâm HCC
6	Vũ Thị Kim Loan	20/8/1977	Nữ	Kinh	Xã H. Tín Tây	Trưởng phòng Văn hóa -Khoa học và Thông tin	02/11/2003 02/11/2004	CVC; 4,65	Quản lý giáo dục tiểu học	Đại học Giáo dục tiểu học		X			CVC	Phó Chủ tịch UBND
	Văn phòng HĐND và UBND huyện															
7	Nguyễn Hữu Năm	24/07/1980	Nam	Kinh	Hành Thuận	ĐUV, PCT UBND xã Hành Thuận	03/4/2004; 03/4/2005	CV; 3,33		ĐH Quản lý văn hóa			X		CV	Chánh VP HĐND và UBND xã

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán(cũ)	Chức vụ/chức danh và đơn vị công tác thời điểm 30/6/2025	Ngày vào Đảng	Ngạch, hệ số lương hiện hưởng	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG							Chức vụ/chức danh; đơn vị/phòng/ban bố trí tại ĐVHC cấp xã hiện nay (thời điểm ngày 10 hàng tháng)
									Thạc sĩ (ghi rõ ngành học)	Trình độ dưới Thạc sĩ (Ghi rõ tất cả trình độ (TC, CD, DH) ngành học)	Lý luận chính trị				Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức	
											Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp		
10	Tô Thị Minh Hằng	03-01-1995	Nữ	Kinh	Phổ An, Đức Phổ	Thanh tra viên	17/9/2019 17/9/2020	CV; 3,00		ĐH ngành Luật Kinh tế			X		CV	Phó Chánh VP HĐND và UBND xã
8	Bùi Thị Thanh Tùng	19-12-1990	Nữ	Kinh	Xã Đức Tân, Mộ Đức	Chuyên viên phòng Tư pháp	07/04/2016 07/4/2017	CV; 3,33		- Kỹ sư Công nghệ môi trường - Cử nhân Luật			X		CV	Chuyên viên VP HĐND và UBND
9	Nguyễn Thị Lệ Oanh	12-04-1983	Nữ	Kinh	Hành Trung	VPTK, UBND xã Hành Trung	7-4-2017	CV; 3,33		ĐH ngành QLNN				X	CV	Chuyên viên VP HĐND và UBND
11	Vương Thị Lệ Quyên	16-08-1994	Nữ	Kinh	Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa	Tài chính - Kế toán thị trấn Chợ Chùa	05/06/2023 05/6/2024	CV; 2,67		ĐH Kế toán doanh nghiệp				X	CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
12	Bùi Đình Minh	09-07-1977	Nam	Kinh	Hành Minh	TPHT, UBND xã Hành Trung	18/11/2005 18/11/2006	CV; 3,99		ĐH, ngành Luật			X		CV	Chuyên viên VP HĐND và UBND
13	Trần Thị Huyền	12-03-1985	Nữ	Kinh	Đức Chánh, Mộ Đức	Tư pháp - hộ tịch thị trấn Chợ Chùa	28/06/2012 28/6/2013	CV; 3,66		TC Luật DH Luật học			X		CV	Chuyên viên VP HĐND và UBND
14	Võ Thị Phương Linh	12-12-1990	Nữ	Kinh	Tịnh Minh,	CC VP-TK xã Hành Thuận	03/08/2020 03/8/2021	CV; 3,00		ĐH 'Kế toán - Kiểm toán			X		CV	Chuyên viên VP HĐND và UBND
15	Lê Thị Huỳnh Phương	28-02-1993	Nữ	Kinh	Hành Minh	VPTK, UBND xã Hành Trung	19/12/2018 19/12/2019	CV; 2,67		ĐH ngành Quản trị kinh doanh				X	CV	Chuyên viên VP HĐND và UBND
	Phòng Văn hóa - Xã hội															
16	Đào Thị Bích Diễm	13/10/1983	Nữ	Kinh	Xã H. Tín Đông	Phó Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện	3/7/2008 3/7/2009	CV; 3,99	Quản lý Kinh tế	Đại học Tài chính tín dụng; Chính quy		X			CVC	Trưởng phòng VH-XH
17	Nguyễn Vũ Thị Anh Đào	08-05-1987	Nữ	Kinh	Xã Hành Thịnh,	Chuyên viên phòng Nội vụ	04/03/2015 04/3/2016	CV; 3,66		Cao đẳng Quản trị văn phòng Đại học ngành Công tác xã hội			X		CV	Phó Trưởng phòng VH-XH
18	Phan Thanh Hà	02-05-1983	Nữ	Kinh	Thanh Tùng, Thanh Chương, Nghệ An	Chuyên viên Phòng VH-XH	20/05/2016 20/5/2017	CV; 3,33		Đại học ngành Kế toán		X			CVC	Chuyên viên Phòng VH-XH

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán(cũ)	Chức vụ/chức danh và đơn vị công tác thời điểm 30/6/2025	Ngày vào Đảng	Ngạch, hệ số lương hiện hưởng	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG							Chức vụ/chức danh; đơn vị/phòng/ban bố trí tại ĐVHC cấp xã hiện nay (thời điểm ngày 10 hàng tháng)
									Thạc sĩ (ghi rõ ngành học)	Trình độ dưới Thạc sĩ (Ghi rõ tất cả trình độ (TC, CD, DH) ngành học)	Lý luận chính trị				Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức	
											Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp		
19	Lương Thị Thu	08-09-1982	Nữ	Kinh	Thị trấn Chợ Chùa,	Chuyên viên phòng Nội vụ	03/12/2011 03/12/2012	CV; 3,66	Ths Chính sách công	Đại học ngành Kế toán			X		CV	Chuyên viên Phòng VH-XH
20	Trương Mạnh Quân	01-01-1984	Nam	Kinh	'Hành Trung	CC VHXH UBND xã Hành Trung	07/12/2007 07/12/2008	CV; 3,00		ĐH, ngành Kinh tế phát triển			X		CV	Chuyên viên Phòng VH-XH
21	Võ Minh Trung	20-09-1985	Nam	Kinh	Hành	CC VH-XH xã Hành Thuận	03/04/2015 03/4/2016	CV; 2,67		ĐH Công tác xã hội			X		CV	Chuyên viên Phòng VH-XH
	Phòng Kinh tế															
22	Nguyễn Thị Tường Vy	15/2/1980	Nữ	Kinh	Xã Hành Phước	PTP Tài chính - Kế hoạch	22/01/2010 22/01/2011	CV; 3,99	Kế toán	Đại học Kế toán		X			CVC	Trưởng Phòng Kinh tế
23	Chế Văn Đức	10-04-1980	Nam	Kinh	Thị trấn Chợ Chùa	Chuyên viên Phòng NN và MT	26/12/2018 26/12/2019	CV; 3,99		Đại Học Quản lý đất đai			X		CV	Phó Trưởng Phòng Kinh tế
24	Kiều Thị Thu Bích	15-06-1984	Nữ	Kinh	Hành Thiện	Chuyên viên Phòng NN và MT	03/9/2013; 03/9/2014	CV; 3,66		Đại Học Trồng trọt Chính quy		X			CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
25	Tiêu Thị Viêt Hằng	05/10/1978	Nữ	Kinh	Hành Thiện	Chuyên viên Phòng Kinh tế	03/02/2004 03/02/2005	CV; 4,32		ĐH ngành Kế toán			X		CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
26	Lâm Thị Thu	05-04-1987	Nữ	Kinh	Hành Trung	Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch	25/5/2015 25/5/2016	CV; 3,33		Đại học Tài chính - Ngân hàng			X		CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
27	Trương Quang Việt	01-01-1990	Nam	Kinh	Hành Dũng	Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch	04/3/2015 04/3/2016	CV; 3,33		Đại học Tài chính - Ngân hàng			X		CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
28	Phạm Thành Nhân	02-02-1986	Nam	Kinh	Xã Hành Dũng	Chuyên viên phòng KTHT	3/9/2015 3/9/2016	CV; 3,66		Đại học Chuyên ngành kỹ thuật xây dựng			X		CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
29	Bùi Thị Ngọc Huyền	21-11-1995	Nữ	Kinh	Hành Minh	ĐC-XD, UBND xã Hành Trung	04/8/2021 04/8/2022	CV; 2,67		ĐH ngành Quản lý đất đai			X		CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
30	Trịnh Nhật Thảo	03-06-1984	Nam	Kinh	Thị trấn Chợ Chùa	Địa chính - XD, Đô thị & MT TTCC	03/06/2021 03/6/2022	CV; 3,66		ĐH Môi trường ĐH Luật			X		CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế
31	Phạm Thị Thu Hiền	07-06-1986	Nữ	Kinh	xã Hành Thuận	CC Tài chính - kế toán xã Hành Thuận	09/02/2010 09/02/2011	CV; 3,66		ĐH 'Kế toán			X		CV	Chuyên viên Phòng Kinh tế

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán(cũ)	Chức vụ/chức danh và đơn vị công tác thời điểm 30/6/2025	Ngày vào Đảng	Ngạch, hệ số lương hiện hưởng	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG							Chức vụ/chức danh; đơn vị/phòng/ban bố trí tại ĐVHC cấp xã hiện nay (thời điểm ngày 10 hàng tháng)
									Thạc sĩ (ghi rõ ngành học)	Trình độ dưới Thạc sĩ (Ghi rõ tất cả trình độ (TC, CD, ĐH) ngành học)	Lý luận chính trị				Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức	
											Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp		
36	Trần Văn Pháp	06-03-1976	Nam	Kinh	Nghĩa Hiệp, Tư Nghĩa	ĐC-XD, UBND xã Hành Trung	19/5/2012 19/5/2013	CV; 3.33		ĐH ngành Phát triển nông thôn và Khuyến nông			X		CV	Chuyên viên Trung tâm phục vụ hành chính công
	Trung tâm phục vụ hành chính công															
32	Nguyễn Trần Ninh	10-12-1985	Nam	Kinh	Thị trấn Chợ Chùa	UVBTV, Chủ tịch UBMTTQVN TTCC	17/12/2007 17/12/2008	CV; 3,00		TC Quân sự cơ sở; ĐH Quản lý Nhà nước			X		CV	Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công
33	Ngô Thị Kim Loan	03-09-1981	Nữ	Kinh	Phổ phong,	CC VP-TK xã Hành Thuận	03/11/2016 03/11/2017	CV; 3.66		ĐH 'QTKD			X		CV	Chuyên viên Trung tâm phục vụ hành chính công
34	Võ Duy Khánh	26-06-1980	Nam	Kinh	Hành Thuận	Văn phòng - thống kê thị trấn Chợ Chùa	01/10/2010 01/10/2011	CV; 3.66		ĐH Quản trị kinh doanh, hệ chính quy			X		CV	Chuyên viên Trung tâm phục vụ hành chính công
35	Nguyễn Bảy	07-09-1978	Nam	Kinh	Hành Thuận	CC Tư pháp- Hộ tịch xã Hành Thuận	03/01/2006 03/01/2007	CV; 3,00		ĐH 'Kinh tế phát triển			X		CV	Chuyên viên Trung tâm phục vụ hành chính công
II	Công chức Ban chỉ huy quân sự cấp xã															
1	Nguyễn Thanh Hiếu	12-10-1978	Nam	Kinh	Hành Thiện	CHTQS, UBND xã Hành Trung	03/12/2001 03/12/2002	CC; 2,66		TC Quân sự cơ sở; ĐH ngành			X			Chỉ huy trưởng BCHQS xã
2	Nguyễn Cao Xuân	24-10-1985	Nam	Kinh	Thị trấn Chợ Chùa	Chỉ huy trưởng BCHQS thị trấn	27/11/2010 27/11/2011	CC; 2,06		TC Quân sự cơ sở ĐH Quản lý Nhà			X			Chỉ huy trưởng BCHQS xã
3	Trần Huỳnh Quang	07-05-1990	Nam	Kinh	Hành	Chỉ huy Trưởng BCH QS xã	03/08/2014 03/8/2014	CC; 2,41		Cao đẳng Quân sự cơ sở			X			Trợ lý BCHQS xã
III	Viên chức (không bao gồm giáo dục, y tế)															
1	Phạm Thị Mỹ Hạnh	28-4-1980	Nữ	Kinh	Hành Thịnh	Phó Giám đốc Trung tâm DVNN	19/7/2013 19/7/2014	Viên chức; hệ số 3,99		ĐH NT thủy sản		X				Giám đốc Trung tâm
2	Trần Thị Bích Loan	1-4-1982	Nữ	Kinh	Bình Hiệp, Bình Sơn	Phóng viên Trung tâm TT-VH-TT	25/11/2009 25/11/2010	Viên chức; hệ số 3,99		Cử nhân xã hội học			X			Viên chức
3	Trần Thị Ngọc Diệp	10-9-1981	Nữ	Kinh	Hành Thịnh, Nghĩa Hành	Tuyên truyền viên Trung tâm TT-VH-TT	20/11/2005 20/11/2006	Viên chức; hệ số 3,99		Đại học Luật			X			Viên chức

[illegible]

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 7: DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC THUỘC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CẤP TỈNH BIỆT PHÁI, TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ VỀ CẤP XÃ
(Tính đến thời điểm ngày 10 hàng tháng)
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2025 của UBND xã Nghĩa Hành)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán (cũ)	Ngày vào Đảng	Ngạch, hệ số lương hiện hưởng	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG							Chức vụ/chức danh thuộc Sở, ban, ngành	Công chức/viên chức hỗ trợ lĩnh vực thuộc phòng, ban, đơn vị thuộc UBND cấp xã	Thời gian biệt phái, tăng cường	Ghi chú
								Thạc sĩ (ghi rõ ngành học)	Trình độ dưới Thạc sĩ (Ghi rõ tất cả trình độ (TC, CĐ, ĐH))	Lý luận chính trị				Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà				
										Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp					
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Trần Thị Tuyết Sương	5-6-1985	Nữ	Kinh	Hành Nhân, Nghĩa Hành	21/5/2014 21/5/2015	VC; 3,33		Cử nhân Y tế công cộng				x		Nhân viên khoa Y tế dự phòng, Trung tâm Y tế Nghĩa Hành, Sở Y tế	phòng Văn hóa - Xã hội	6 tháng	

Phụ lục 8
BÁO CÁO CÔNG TÁC LƯU TRỮ, SỐ HÓA HỒ SƠ, TÀI LIỆU
(Tính đến thời điểm ngày 10 hàng tháng)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2025 của UBND xã Nghĩa Hành)

1. Khối lượng hồ sơ, tài liệu đã số hóa

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Thời gian tài liệu số hóa (từ năm ... đến năm ...)	Tổng số mét tài liệu đã số hóa		Tổng số hồ sơ số hóa		Tổng số bản số hóa				Quy ra dung lượng (MB)		Ghi chú
							File		Trang A4				
			Số liệu trong kỳ báo cáo hàng tháng (từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (số liệu có từ trước đến nay)	Số liệu trong kỳ báo cáo hàng tháng (từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (số liệu có từ trước đến nay)	Số liệu trong kỳ báo cáo hàng tháng (từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (số liệu có từ trước đến nay)	Số liệu trong kỳ báo cáo hàng tháng (từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (số liệu có từ trước đến nay)	Số liệu trong kỳ báo cáo hàng tháng (từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...)	Số liệu lũy kế đến thời điểm báo cáo (số liệu có từ trước đến nay)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
a) Sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc													
b) Trung tâm Lưu trữ lịch sử													
c) UBND xã, phường, đặc khu													

2. Điều kiện lưu trữ tài liệu, hồ sơ của cấp xã

- Việc bố trí phòng/kho lưu trữ
- Diện tích phòng/kho lưu trữ
- Số lượng trang thiết bị bảo quản tài liệu (giá/tủ, hộp/cặp bảo quản tài liệu; thiết bị phòng cháy chữa cháy...)
- Số lượng, thành phần hồ sơ, tài liệu lưu trữ (tổng số tài liệu; tài liệu đã chỉnh lý hoàn chỉnh/chưa chỉnh lý; tổng số hồ sơ/đơn vị bảo quản vĩnh viễn/có thời hạn...).

3. Khả năng bảo đảm an toàn trong việc bàn giao tài liệu và cơ sở dữ liệu sau sắp xếp của cơ quan, tổ chức

- Đã sẵn sàng/chưa sẵn sàng ...
- Những tồn tại, hạn chế...
- Đề xuất, kiến nghị...